

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày: 17/9/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Sơn và bà Nguyễn Thị Huệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/TLST - HS ngày 20/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HS ngày 06/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/HSST – QĐHPT ngày 20/8/2021 đối với bị cáo:

**Tổng Thị S**, sinh năm 1960; giới tính: Nữ; nơi đăng ký HKTT: Xóm x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; Đảng, đoàn: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 10/5/2021; con ông Tổng Công T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 10/5/2021 đến ngày 27/5/2021; hiện đang bị áp dụng biện pháp “*Bảo lĩnh*”. (Có mặt).

**\* Bị hại:** - Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1948; nơi cư trú: Xóm x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Xóm x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

**\* Người làm chứng:** Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước khi nghỉ hưu (ngày 01/8/2016), bị cáo Tống Thị S là Chủ tịch Hội nông dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, đồng thời là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn A, xã A của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Sau khi nghỉ hưu, bị cáo vẫn tham gia trong Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn A, xã A, huyện B của Ngân hàng.

Cuối năm 2015 bị cáo S được gia đình ông Nguyễn Đình T và gia đình bà Trần Thị H nhờ làm thủ tục vay vốn Ngân hàng. Ngày 23/12/2015, gia đình ông T được Ngân hàng giải ngân cho vay 45.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng 1 lần với số tiền phải trả là 15.000.000 đồng tiền gốc, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/11/2018. Ngày 15/10/2015, gia đình bà H được Ngân hàng giải ngân cho vay 12.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng 1 lần với số tiền phải trả là 1.300.000 đồng tiền gốc, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/10/2020.

Thực hiện nhiệm vụ của Tổ tiết kiệm và vay vốn, bị cáo S đã đến nhà ông T đôn đốc trả nợ Ngân hàng. Khoảng giữa tháng 6 năm 2016 (không xác định được ngày, giờ cụ thể), ông T đã đưa 15.000.000 đồng cho con trai là anh Nguyễn Đình H để đi trả nợ Ngân hàng. Anh H cầm tiền ra Nhà văn hóa xã A thì gặp S. Do có việc bận và tin tưởng S nên anh H đã đưa cho S 15.000.000 đồng nhờ S nộp hộ trả nợ Ngân hàng. S nhận tiền anh H đưa nhưng không nộp vào Ngân hàng mà mang về sử dụng vào việc trả nợ các khoản vay khác của S. Khoảng 05 tháng sau (tháng 11/2016), ông T đưa cho anh H 10.000.000 đồng để trả Ngân hàng. Do không biết S đã chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng trước đó nên anh H đã đến nhà S đưa số tiền này nhờ S nộp hộ trả cho Ngân hàng. Sau khi nhận tiền từ anh H, S không nộp cho Ngân hàng mà tiếp tục chiếm đoạt sử dụng để trả nợ cho các khoản S đã vay trước đó. Đến tháng 11/2018 khi ông T và anh H đến Ngân hàng để trả nốt 20.000.000 đồng thì được Ngân hàng thông báo gia đình ông T vẫn còn nợ của Ngân hàng 25.000.000 đồng. Lúc này, gia đình ông T mới biết S đã chiếm đoạt 25.000.000 đồng nhờ nộp hộ trước đó. Gia đình ông T đã nhiều lần đòi nhưng S không trả.

Đối với gia đình bà H, do không còn nhu cầu vay vốn nên ngày 14/7/2016, bà H đã mang 12.000.000 đồng đến nhà S nhờ trả giúp cho Ngân hàng. Sau khi nhận tiền của bà H, S đã sử dụng vào việc trả nợ cá nhân rồi nói với bà H đã nộp trả số tiền đó cho Ngân hàng. Vì là chỗ bạn bè chơi thân với nhau nên bà H không hỏi S về bất kỳ giấy biên nhận thanh toán nào. Đến năm 2017, khi được Ngân hàng thông báo chưa trả nợ 12.000.000 đồng đã vay thì bà H mới biết S chiếm đoạt số tiền đó của mình. Bà H nhiều lần đòi nhưng S không trả.

Đến năm 2018, bị cáo S bán ngôi nhà 02 tầng của mình tại ngã tư Đ, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam với giá 1.600.000.000 đồng nhưng cũng không trả tiền cho các gia đình ông T và bà H.

Ngày 12/8/2020, ông Nguyễn Đình T, bà Trần Thị H đã có đơn tố cáo Tống Thị S gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B, đồng thời anh Nguyễn Đình H

đã giao nộp cho lực lượng Công an 02 giấy xác nhận do Tổng Thị S viết đã vay số tiền 25.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT - VKS - SH ngày 19/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã truy tố Tổng Thị S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bị cáo Tổng Thị S đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo S từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù; được đối trừ thời gian bị tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Sừ đã khai nhận hành vi bị cáo nhận tiền của gia đình ông T, bà H như nội dung vụ án đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Do quen và biết bị cáo Tổng Thị S là Chủ tịch Hội nông dân xã A và là Tổ trưởng Tổ vay vốn của thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Nam nên vào năm 2016 gia đình ông Nguyễn Đình T và gia đình bà Trần Thị H tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo S để nhờ bị cáo S nộp hộ tiền trả nợ Ngân hàng. Gia đình ông T mà trực tiếp là anh Nguyễn Đình H đã đưa cho bị cáo S 02 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng (01 lần 15.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng); bà H trực tiếp đưa cho bị cáo S 12.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ anh H, bà H; bị cáo S không nộp vào Ngân hàng mà sử dụng vào việc trả nợ cá nhân. Mặc dù gia đình ông T, bà H nhiều lần đòi và tuy có điều kiện trả nợ khi bán nhà vào năm 2018 nhưng bị cáo S vẫn không trả. Đến khi các gia đình ông T, bà H tố cáo và Cơ quan Công an thụ lý giải quyết thì bị cáo S mới nộp cho Ngân hàng số tiền đã nhận của anh H, bà H để thanh toán các khoản vay. Hành vi này của bị cáo Tổng Thị S đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Quá trình công tác được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt” được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, quá trình công tác được nhiều cơ quan Nhà nước khen thưởng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả nhưng do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp từ 02 lần trở lên nên Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét đến việc bị cáo đã cao tuổi, không có chồng con; có nhiều tình tiết giảm nhẹ để áp dụng một mức hình phạt vừa đủ sức răn đe bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội nhưng cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về hòa nhập với xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản và lời trình bày của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng cách trả tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng và gia đình ông Nguyễn Đình T, gia đình bà Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] Tình tiết khác của vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có văn bản kiến nghị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hà Nam tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B trong vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Tổng Thị S đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Tổng Thị S **01** (một) năm tù; được đổi trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/5/2021 đến ngày 27/5/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại bị cáo S phải chấp hành được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tổng Thị S phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại là ông T, bà H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- UBKT huyện ủy B
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đảng ủy và UBND xã A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Đặng Trần Anh Dũng**

**(đã ký)**